

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2025/DS-ST
Ngày: 11-8-2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thảo

Ông Nguyễn Thanh Cần

- Thư ký phiên tòa: bà Đỗ Thị Phương Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 229/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Vũ Thị Tuyết T, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: số E, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Bị đơn: Công ty TNHH S.

Địa chỉ: số D, đường T, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thái P; địa chỉ: số B, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Phạm Ngọc Minh T1, sinh năm 2004.

Nơi cư trú: số E, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương

(nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn trình bày:

Ngày 12/6/2021, giữa bà Vũ Thị Tuyết T và Công ty TNHH S (sau đây viết tắt là Công ty S - người đại diện theo pháp luật là Nguyễn Thái P) có thỏa thuận mua bán gạo với nhau, bà T là bên bán và Công ty S là bên mua. Theo nội dung thỏa thuận bà T sẽ giao gạo trước và sau mỗi tháng phía Công ty S sẽ phải có nghĩa vụ thanh toán tiền mua gạo cho bà T một lần, thanh toán theo hình thức chuyển khoản. Do là chỗ quen biết, tin tưởng nên việc mua bán giữa các bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau, không có lập thành hợp đồng. Mỗi lần giao gạo bà T đều có lập hóa đơn, đại diện phía Công ty S đều có ký tên xác nhận nhận hàng. Bà T không có đăng ký kinh doanh nên không có thực hiện việc xuất hóa đơn theo quy định đối với hàng hóa bán cho Công ty S.

Thời gian đầu Công ty S thực hiện đúng theo sự thỏa thuận giữa các bên. Tuy nhiên, về sau thì Công ty đã không thực hiện việc thanh toán tiền gạo cho bà T đúng theo sự thỏa thuận trước đó. Bà T có nhiều lần yêu cầu nhưng phía Công ty S vẫn chậm trễ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền gạo cho bà T. Nhận thấy việc Công ty S chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cho bà T là vi phạm về thỏa thuận giữa các bên nên đến ngày 11/02/2022 giữa bà T và phía Công ty S thống nhất chấm dứt hợp đồng mua bán gạo với nhau. Tính đến ngày 11/02/2022 tổng số lượng gạo bà T bán cho phía Công ty S là 70.680kg, với tổng số tiền là 919.521.000 đồng, cụ thể như sau:

Ngày 12/6/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 100kg, với số tiền là 1.350.000 đồng;

Ngày 13/6/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 1.000kg, với số tiền là 13.500.000 đồng;

Ngày 14/6/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 279kg, với số tiền là 3.174.000 đồng;

Ngày 14/6/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 1.000kg, với số tiền là 13.500.000 đồng;

Ngày 15/6/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 275kg, với số tiền là 3.660.000 đồng;

Ngày 16/6/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 500kg, với số tiền là 6.250.000 đồng;

Ngày 16/6/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 475kg, với số tiền là 5.955.000 đồng;

Ngày 18/6/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 1050kg, với số tiền là 13.540.000 đồng;

Ngày 19/6/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 4.025kg, với số tiền là 53.290.000 đồng;

Ngày 26/6/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 2.000kg, với số tiền là 26.400.000 đồng;

Ngày 27/6/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 1.000kg, với số tiền là 13.200.000 đồng;

Ngày 30/6/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 500kg, với số tiền là 7.250.000 đồng;

Ngày 03/7/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 1.000kg, với số tiền là 13.200.000 đồng;

Ngày 05/7/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 1.010kg, với số tiền là 13.332.000 đồng;

Ngày 08/7/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 1.000kg (40 bao), với số tiền là 13.200.000 đồng;

Ngày 09/7/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 1.000kg, với số tiền là 13.200.000 đồng;

Ngày 10/7/2021, số lượng gạo bà T bán cho Công ty S là 1.025kg, với số tiền là 13.542.000 đồng;

Ngày 13/7/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 1.000kg, với số tiền là 13.200.000 đồng;

Ngày 16/7/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 1.000kg, với số tiền là 13.200.000 đồng;

Ngày 17/7/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 1.000kg, với số tiền là 13.200.000 đồng;

Ngày 20/7/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 2.000kg, với số tiền là 26.400.000 đồng;

Ngày 21/7/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 950kg, với số tiền là 12.540.000 đồng;

Ngày 24/7/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 1.000kg, với số tiền là 13.700.000 đồng;

Ngày 26/7/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 1.400kg, với số tiền là 19.180.000 đồng;

Ngày 28/7/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 2.000kg, với số tiền là 26.800.000 đồng;

Tính đến ngày 07/9/2021, bà T đã giao cho Công ty S số gạo với tổng trị giá là 365.763.000đồng, Công ty S đã thanh toán số tiền 159.382.000đồng, còn nợ lại số tiền 206.381.000đồng.

Ngày 11/9/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 975kg, với số tiền là 13.297.000 đồng;

Ngày 12/9/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 2.000kg, với số tiền là 27.000.000 đồng;

Ngày 18/9/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 2.000kg, với số tiền là 28.000.000 đồng;

Ngày 23/9/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 2.000kg, với số tiền là 27.400.000 đồng;

Ngày 29/9/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 1.000kg, với số tiền là 13.700.000 đồng;

Ngày 02/10/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 1.000kg, với số tiền là 13.700.000 đồng;

Ngày 05/10/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 1.000kg, với số tiền là 13.700.000 đồng;

Ngày 09/10/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 1.000kg, với số tiền là 13.700.000 đồng;

Ngày 12/10/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 1.000kg, với số tiền là 13.700.000 đồng;

Ngày 13/10/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 1.000kg, với số tiền là 13.700.000 đồng;

Ngày 15/10/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 1.000kg, với số tiền là 13.700.000 đồng;

Ngày 18/10/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 1.000kg, với số tiền là 13.700.000 đồng;

Ngày 21/10/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 1.000kg, với số tiền là 13.700.000 đồng;

Tính đến ngày 21/10/2021, bà T đã giao cho Công ty S số lượng gạo với tổng giá trị là 425.378.000đồng (bao gồm nợ cũ chưa thanh toán là 206.381.000đồng và khoản nợ phát sinh từ ngày 11/9/2021 đến ngày 21/10/2021), Công ty S đã thanh toán số tiền 194.094.000đồng, còn nợ lại số tiền 231.284.000đồng.

Ngày 23/10/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 1.000kg, với số tiền là 13.700.000 đồng;

Ngày 26/10/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 1.000kg, với số tiền là 13.700.000 đồng;

Ngày 30/10/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 1.000kg, với số tiền là 13.700.000 đồng;

Ngày 04/11/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 1.050kg, với số tiền là 14.350.000 đồng;

Ngày 08/11/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 1.000kg, với số tiền là 13.700.000 đồng;

Ngày 08/11/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 125kg, với số tiền là 1.687.000 đồng;

Ngày 11/11/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 1.000kg, với số tiền là 13.000.000 đồng;

Ngày 16/11/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 1.125kg, với số tiền là 14.687.000 đồng;

Ngày 20/11/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 1.000kg, với số tiền là 13.000.000 đồng;

Ngày 23/11/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 1.000kg, với số tiền là 12.350.000 đồng;

Ngày 28/11/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 1.000kg, với số tiền là 13.000.000 đồng;

Ngày 01/12/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 150kg, với số tiền là 2.025.000 đồng;

Ngày 02/12/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 1.000kg, với số tiền là 13.000.000 đồng;

Tính đến ngày 03/12/2021, bà T đã giao cho Công ty S số lượng gạo với tổng giá trị là 383.183.000đồng (bao gồm nợ cũ chưa thanh toán là 231.284.000đồng và khoản nợ phát sinh từ ngày 23/10/2021 đến ngày 02/12/2021), Công ty S đã thanh toán số tiền 60.000.000đồng, còn nợ lại số tiền 323.183.000đồng.

Ngày 05/12/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 150kg, với số tiền là 1.687.000 đồng;

Ngày 08/12/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 1.200kg, với số tiền là 15.700.000 đồng;

Ngày 13/12/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 1.200kg, với số tiền là 15.700.000 đồng;

Ngày 17/12/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 1.000kg, với số tiền là 13.000.000 đồng;

Tính đến ngày 17/12/2021, bà T đã giao cho Công ty S số lượng gạo với tổng giá trị là 369.270.000đồng (bao gồm nợ cũ chưa thanh toán là 323.183.000đồng và khoản nợ phát sinh từ ngày 23/10/2021 đến ngày 02/12/2021), Công ty S đã thanh toán số tiền 49.379.000đồng, còn nợ lại số tiền 319.891.000đồng.

Ngày 21/12/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 1.200kg, với số tiền là 15.700.000 đồng;

Ngày 23/12/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 600kg, với số tiền là 8.100.000 đồng;

Ngày 27/12/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 200kg, với số tiền là 2.700.000 đồng;

Ngày 30/12/2021, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 1.300kg, với số tiền là 17.050.000 đồng;

Ngày 02/01/2022, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 150kg, với số tiền là 2.025.000 đồng;

Ngày 04/01/2022, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 600kg, với số tiền là 8.100.000 đồng;

Ngày 07/01/2022, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 700kg, với số tiền là 9.150.000 đồng;

Ngày 11/01/2022, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 800kg, với số tiền là 10.650.000 đồng;

Ngày 14/01/2022, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 1.500kg, với số tiền là 19.750.000 đồng;

Ngày 19/01/2022, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 1.000kg, với số tiền là 13.250.000 đồng;

Ngày 23/01/2022, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 1.000kg, với số tiền là 13.250.000 đồng;

Tính đến ngày 27/01/2022, bà T đã giao cho Công ty S số lượng gạo với tổng giá trị là 439.616.000đồng (bao gồm nợ cũ chưa thanh toán là 319.891.000đồng và khoản nợ phát sinh từ ngày 21/12/2021 đến ngày 23/01/2022), Công ty S đã thanh toán số tiền 50.000.000đồng, còn nợ lại số tiền 389.616.000đồng.

Ngày 28/01/2022, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 400kg, với số tiền là 5.200.000 đồng;

Ngày 09/02/2022, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 300kg, với số tiền là 3.900.000 đồng;

Ngày 11/02/2022, bà T bán cho Công ty S số lượng gạo là 600kg, với số tiền là 7.950.000 đồng.

Tính đến ngày 11/02/2022, bà T đã giao cho Công ty S số lượng gạo với tổng giá trị là 406.666.000đồng (bao gồm nợ cũ chưa thanh toán là 389.616.000đồng và khoản nợ phát sinh từ ngày 28/01/2022 đến ngày 11/02/2022). Sau đó, Công ty S đã thanh toán cho bà T thêm số tiền 260.000.000đồng, cụ thể như sau:

Ngày 04/4/2022 thanh toán số tiền 50.000.000 đồng;

Ngày 02/05/2022 thanh toán số tiền 50.000.000 đồng;
Ngày 03/6/2022 thanh toán số tiền 50.000.000 đồng;
Ngày 25/8/2022 thanh toán số tiền 50.000.000 đồng;
Ngày 07/12/2022 thanh toán số tiền 20.000.000 đồng;
Ngày 15/01/2023 thanh toán số tiền 20.000.000 đồng;
Ngày 28/4/2023 thanh toán số tiền 10.000.000 đồng;
Ngày 31/5/2024 thanh toán số tiền 5.000.000 đồng;
Ngày 31/12/2024 thanh toán số tiền 5.000.000 đồng;

Đến thời điểm hiện tại phía Công ty S đã thanh toán được cho bà T tổng số tiền là 772.855.000 đồng thông qua hình thức chuyển khoản đến tài khoản số 1018563926 của bà Phạm Ngọc Minh T1 (con gái bà T – do bà T không có số tài khoản ngân hàng).

Hiện nay phía Công ty S còn nợ của bà T tổng số tiền là 146.666.000 đồng. Bà T có nhiều lần yêu cầu phía Công ty S thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ lại cho bà T nhưng phía Công ty S vẫn không thực hiện.

Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Công ty S (người đại diện theo pháp luật là Nguyễn Thái P) phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà T toàn bộ số tiền còn nợ lại là 146.666.000 đồng.

Yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 0.83%/tháng, tính từ ngày 11/02/2022 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Tạm tính từ ngày 11/02/2022 đến ngày làm đơn là ngày 08/4/2025 với tổng số tiền là 49.846.000 đồng.

Tổng số tiền bà T yêu cầu Công ty S (người đại diện theo pháp luật là Nguyễn Thái P) phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà T (bao gồm tiền lãi và tiền nợ gốc) là 196.512.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Ngọc Minh T1 trình bày:

Bà T1 là con ruột của bà Vũ Thị Tuyết T, bà T1 không có liên quan gì đối với Công ty TNHH S. Quá trình bà Vũ Thị Tuyết Thu mua B gạo với Công ty S thì có đưa số tài khoản 1018563926 tại Ngân hàng TMCP N của bà T1 cho phía Công ty S để Công ty thanh toán tiền hàng cho bà T. Bà T1 xác định không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến Công ty S và việc mua bán hàng hóa giữa bà T và Công ty S. Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà T1 trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án các cấp.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty S theo đúng quy định pháp luật nhưng đại diện Công ty S không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Vũ Thị Tuyết T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Ngọc Minh T1 vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết

vắng mặt. Bị đơn Công ty S vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ T2 theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại theo các Điều 70, 71, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại theo các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Vũ Thị Tuyết T khởi kiện đối với Công ty TNHH S yêu cầu thanh toán tiền phát sinh từ hợp đồng mua bán gạo. Bị đơn có trụ sở tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh).

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về số tiền nợ gốc: Nguyên đơn bà T căn cứ các hóa đơn (hóa đơn viết tay) từ ngày 12/6/2021 đến ngày 11/02/2022 cho rằng đã bán cho Công ty S số lượng gạo 70.680kg, với tổng trị giá là 919.521.000 đồng. Do Công ty S chỉ thanh toán được cho bà T tổng số tiền là 772.855.000 đồng nên bà T yêu cầu Công ty S thanh toán số tiền còn nợ là 146.666.000 đồng. Xét thấy, giữa bà T và Công ty S không có lập hợp đồng mua bán, theo các Hóa đơn do nguyên đơn cung cấp thì chỉ thể hiện “khách hàng” là “Phong An”, người viết hóa đơn là bà Nguyễn Thị Tuyết T3, đối với phần “người nhận hàng” thì có nhiều người ký nhận khác nhau, một số chỉ ký tên, không xác định được người nhận. Tuy nhiên, căn cứ kết quả sao kê từ số tài khoản 1018563926 của bà Phạm Ngọc Minh T1 (con gái của bà T3) và sự thừa nhận của nguyên đơn xác định từ ngày 07/9/2021 đến ngày 31/12/2024 thì phía ông Nguyễn Thái P là người đại diện theo pháp luật của Công ty S đã thanh toán cho bà T3 nhiều lần với các nội dung thể hiện

trong sao kê như “chuyển tiền gạo t6”, “chuyển tiền”, “NGUYEN THAI PHONG chuyển tiền gạo chị thu” với tổng số tiền đã thanh toán là 772.855.000 đồng. Như vậy, mặc dù hóa đơn không thể hiện rõ bên nhận hàng nhưng phía Công ty S (đại diện là ông Nguyễn Thái P) vẫn thừa nhận đã mua bán gạo với bà T3 và đã thực hiện việc thanh toán một phần nghĩa vụ. Quá trình giải quyết vụ án, bà T3 và bà T1 đều thừa nhận giữa bà T1 và ông P hoàn toàn không có quan hệ mua bán, giao dịch gì. Công ty S cũng không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hay cung cấp tài liệu, chứng cứ nào thể hiện đã thanh toán một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ còn lại đối với bà T3. Do đó, có cơ sở xác định giữa bà T3 và Công ty S có giao dịch mua bán gạo và Công ty S còn chưa thanh toán cho bà T3 số tiền 146.666.000 đồng. Do đó, việc bà T3 khởi kiện đối với Công ty S là có căn cứ theo quy định tại các điều 430, 434, 440 của Bộ luật Dân sự.

[3.2] Về yêu cầu thanh toán tiền lãi: Bà T3 yêu cầu Công ty S thanh toán tiền lãi chậm trả tính từ ngày 11/02/2022 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử với mức lãi suất là 0,83%/tháng với tổng số tiền là 49.846.000 đồng. Xét thấy, tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự quy định: *“Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này”*. Do Công ty S chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà T3 nên phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả. Do hai bên không có thỏa thuận về lãi suất chậm trả nên áp dụng mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự là 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng. Do đó, việc bà T3 yêu cầu Công ty S thanh toán tiền lãi với số tiền 49.846.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn Công ty S phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 196.512.000 đồng, tương đương số tiền án phí: 9.825.600 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 430, 434, 440, 357, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị Tuyết T đối với bị đơn Công ty TNHH S về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Buộc Công ty TNHH S có trách nhiệm thanh toán cho bà Vũ Thị Tuyết T tổng số tiền 196.512.000 đồng (Một trăm chín mươi sáu triệu năm trăm mười hai nghìn đồng), gồm có nợ gốc 146.666.000 đồng, tiền lãi chậm thanh toán 49.846.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH S phải nộp số tiền 9.825.600 đồng (Chín triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Hoàn trả cho bà Vũ Thị Tuyết T số tiền 5.162.800 đồng (Năm triệu một trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002683 ngày 23/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Phạm Ngọc Trung